

Công tác điều hành giá tháng 10 và 10 tháng năm 2023; đề xuất định hướng công tác điều hành giá những tháng còn lại năm 2023

Trong tháng 10/2023, cơ bản giá các mặt hàng tương đối ổn định do nguồn cung vẫn khá dồi dào trong khi nhu cầu không cao. Các mặt hàng có giá ổn định như giá thóc gạo tại miền Bắc, muối, đường, thép xây dựng, xi măng. Thực phẩm tươi sống các loại ổn định, riêng thịt lợn hơi giảm so với tháng 9/2023. Giá các mặt hàng có xu hướng tăng như giá gạo tại miền Nam và khí hóa lỏng LPG. Riêng mặt hàng xăng dầu các loại tiếp tục được điều hành theo cơ chế thị trường và phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới.

Trong 10 tháng đầu năm 2023 nhìn chung giá cả thị trường trong nước cơ bản ổn định, diễn biến theo đúng với kịch bản điều hành giá của Ban Chỉ đạo điều hành giá của Thủ tướng Chính phủ đã đề ra. Bên cạnh đó vẫn có mặt hàng xăng dầu và LPG có diễn biến giá phức tạp và chịu tác động của thị trường thế giới. Theo công bố của Tổng cục Thống kê chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước. Bình quân 9 tháng đầu năm 2023, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%.



I. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH MỘT SỐ MẶT HÀNG QUAN TRỌNG, THIẾT YẾU:

1. Mặt hàng xăng dầu:

a. **Giá xăng dầu thế giới:** Giá xăng dầu thế giới bình quân tính đến ngày 19/10/2023 so với bình quân của tháng 09/2023 nhìn chung có xu hướng giảm giá đối với các mặt hàng xăng dầu khoảng từ 6,73% đến 11,29%, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: USD/thùng, tấn

Tháng	Xăng RON95	Xăng RON92	Dầu DO 0,05S	Dầu Hỏa	Dầu madut
BQ tháng 01/2023	99,00	95,59	113,95	114,99	389,40
BQ tháng 02/2023	99,39	95,97	103,61	106,61	404,66
BQ tháng 03/2023	98,51	94,29	98,92	98,74	425,79

BQ tháng 04/2023	100,26	96,54	97,12	96,77	463,21
BQ tháng 05/2023	90,17	85,60	88,47	88,48	428,95
BQ tháng 06/2023	92,66	87,58	91,42	90,00	424,62
BQ tháng 07/2023	94,44	88,55	96,27	94,40	462,03
BQ tháng 08/2023	107,67	101,93	117,29	116,64	540,55
BQ tháng 09/2023	110,28	104,54	122,63	122,90	533,53
BQ ngày 20/10/2023	97,83	92,86	114,37	114,28	486,91

b. Giá xăng dầu trong nước: Trong tháng 10 (tính đến ngày 23/10/2023), Bộ Công Thương đã ban hành 03 văn bản điều hành giá xăng dầu trong nước, cụ thể như sau:

- Ngày 02/10/2023, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 6787/BCT-TTTN về việc điều hành kinh doanh xăng dầu, trong đó ngừng trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với dầu điêzen: 285 đồng/lít, dầu hỏa: 109 đồng/lít. Sau khi thực hiện việc ngừng trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu nêu trên giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: Giá xăng E5RON92 giảm 695 đồng/lít, xăng RON95 giảm 906 đồng/lít, dầu madut giảm 395 đồng/kg và giữ ổn định giá mặt hàng dầu điêzen và dầu hỏa.

- Ngày 11/10/2023, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 7075/BCT-TTTN về việc điều hành kinh doanh xăng dầu, trong đó trong đó ngừng trích lập và ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với các mặt hàng xăng dầu. Sau khi thực hiện việc ngừng trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với xăng dầu nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: hàng xăng E5RON92 giảm 1.595 đồng/lít, xăng RON95 giảm 1.798 đồng/lít, dầu điêzen giảm 1.184 đồng/lít, dầu hỏa giảm 1.352 đồng/lít, dầu madút giảm 1.214 đồng/kg.

- Ngày 23/10/2023, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản số 7378/BCT-TTTN về việc điều hành kinh doanh xăng dầu, trong đó trong đó ngừng trích lập và ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với các mặt hàng xăng dầu. Sau khi thực hiện việc ngừng trích lập và chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với xăng dầu nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường như sau: hàng xăng E5RON92 tăng 458 đồng/lít, xăng RON95 tăng 469 đồng/lít, dầu điêzen tăng 79 đồng/lít, dầu hỏa tăng 289 đồng/lít, dầu madút tăng 375 đồng/kg.

Hiện nay, giá bán lẻ, mức trích, mức sử dụng Quỹ BOG các chủng loại xăng, dầu trong giá cơ sở từ sau thời điểm 15 giờ 00 ngày 23/10/2023 cụ thể như sau:

Các chủng loại xăng dầu	Giá bán trong nước hiện hành (đồng/lít,kg)	Quỹ BOG (đồng/lít,kg)	
		Trích	Sử dụng
Xăng E5RON92	22.365	0	0
Xăng RON95	23.513	0	0

Dầu điêzen 0,05S	22.489	0	0
Dầu hỏa	22.753	0	0
Dầu madut 3,5S	16.613	0	0

Nguồn: Công văn số 7378/BCT-TTTN ngày 23/10/2023.

- Theo quy định tại Nghị định số 95/2021/NĐ-CP, giá bán xăng dầu trong nước được thực hiện theo cơ chế thị trường và phù hợp với diễn biến giá xăng dầu thế giới. Công tác điều hành giá xăng dầu trong nước đang bám sát theo diễn biến giá xăng dầu thế giới. Trong 10 tháng đầu năm 2023 (tính đến hết ngày 24/10/2023), Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Công Thương ban hành 25 văn bản điều hành xăng dầu (không tính lần điều chỉnh giá xăng dầu do điều chỉnh thuế), trong đó số lần điều chỉnh giá xăng dầu như sau:

Các chủng loại xăng dầu	Số lần tăng	Số lần giảm	Số lần ổn định giá	Tổng số kỳ điều hành
Xăng E5RON92	15	10	04	28
Xăng RON95	15	10	04	28
Dầu điêzen 0,05S	16	12	01	28
Dầu hỏa	14	13	01	28
Dầu madut 3,5S	15	12	01	28

2. Về giá bán LPG: Tháng 10/2023, giá CP trên thị trường thế giới do Công ty Aramco của Ả Rập công bố là 602.5 USD/tấn, tăng 50.5USD/tấn so với tháng 9/2023, tương ứng với tỷ lệ tăng khoảng 14%. Các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính kê khai mức điều chỉnh giá bán lẻ LPG tăng phổ biến ở mức 20.000 đồng/bình 12 kg. Giá bán lẻ LPG của các doanh nghiệp thực hiện kê khai giá tại Bộ Tài chính từ 01/9/2023 phổ biến từ 414.000 đồng/bình 12kg.

Diễn biến giá CP thế giới và LPG trong nước 10 tháng đầu năm 2023 như sau:

Thời gian	Giá CP (USD/tấn)	Mức điều chỉnh của giá CP	Mức điều chỉnh do tác động của giá	Giá bán lẻ LPG trong
Tháng 1/2023	597.5	-52.5	-23.000	390.000
Tháng 2/2023	790	192.5	63.000	453.000
Tháng 3/2023	730	-60	-16.000	434.000
Tháng 4/2023	550	-180	-48.000	386.000
Tháng 5/2023	555	5	6.000	392.000
Tháng 6/2023	445	-110	-35.000	357.000
Tháng 7/2023	387.5	-57.5	-22.000	335.000
Tháng 8/2023	465	77.5	26.000	361.000

Tháng 9/2023	555	90	33.000	394.000
Tháng 10/2023	602.5	50	20.000	414.000

* Giá bán lẻ LPG trong nước lấy theo số liệu của Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Giá thép xây dựng:

- *Thị trường thế giới:* Giá chào bán phôi thép Đông Nam Á tháng 01/2023 cơ bản ổn định so với cuối tháng 12/2022 và biến động tăng vào đầu tháng tháng 02/2023, tuy nhiên đến cuối tháng 2/2023 đã giảm khoảng 30 USD/tấn, cơ bản ổn định trong tháng 3/2023, có su hướng giảm trong tháng 4/2023 giảm nhẹ trong tháng 5, tháng 6/2023, cơ bản ổn định đến tháng 10/2023; Hiện giá chào phôi thép khu vực Đông Nam Á vào khoảng 500- 520 USD/tấn.



- *Thị trường trong nước:* Theo báo cáo của doanh nghiệp kê khai thì giá thép xây dựng trong nước tháng 01/2023 có bản ổn định so với cuối tháng 12/2022, đến tháng 02/2023 tăng khoảng 200-600 đồng/kg so với cuối tháng 01/2023 tùy theo từng chủng loại; từ cuối tháng 3 đến tháng 4/2023, do nhu cầu tiêu thụ trong nước cùng với diễn biến giá nguyên vật liệu có su hướng giảm, một số nhà máy sản xuất trong nước đã điều chỉnh giảm 100-400 đồng/kg tùy theo từng chủng loại và nhà sản xuất; Từ đầu tháng 5/2023 đến tháng 7, các nhà máy sản xuất thép xây dựng trong nước tiếp tục điều chỉnh giảm khoảng 3-6 lần, tương ứng giảm khoảng 500-800 đồng/kg tùy theo chủng loại và đầu tháng 8/2023, tiếp tục giảm 100-400 đồng/kg tùy theo chủng loại và giảm 100-300 đồng/tấn trong tháng 9/2023 và cơ bản ổn định trong tháng 10/2023.

Hiện giá bán tại một số nhà máy phổ biến khoảng 13.900-15.500 đồng/kg (chưa bao gồm thuế GTGT, chiết khấu bán hàng) tùy theo chủng loại và nhà sản xuất.

- Hiện tại, giá thép xây dựng trên thị trường trong nước phổ biến ở mức 14.300-16.000 đồng/kg tùy theo từng chủng loại và nhà sản xuất.

4. Xi Măng

Tình hình thị trường xi măng 10 tháng đầu năm 2023: Thị trường xi măng trong nước 10 tháng đầu năm có nhu cầu xi măng thấp; công trình xây dựng dân dụng mới khởi công ít, các công trình, dự án lớn cũng chậm triển khai thậm chí

phải giãn, hoãn tiến độ khi gặp khó khăn về nguồn vốn...

Trong 10 tháng đầu năm một số công ty xi măng thực hiện kê khai tăng hoặc giảm giá đối với một số mặt hàng bán cho một số đối tượng khách hàng. Nhìn chung về sự biến động chung của tất cả các mặt hàng xi măng trên thị trường có 2 đợt điều chỉnh giá do sự thay đổi chính sách thuế VAT: Điều chỉnh tăng giá 2% từ ngày 1/1/2023 do VAT tăng từ 8% lên 10%, điều chỉnh giảm giá 2% từ ngày 1/7/2023 do VAT giảm từ 10% xuống còn 2%.

Giá bán xi măng tại các Nhà máy xi măng thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam (đã bao gồm VAT) thời điểm tháng 10/2023 dao động từ khoảng 1.150.000 đồng/tấn đến 1.800.000 đồng/tấn.

5. Điện

Từ 1/1/2013 đến 3/5/2023 giá bán lẻ điện bình quân giữ ổn định so với mức điều chỉnh từ ngày 20/3/2019 là 1.864,44 đ/kwh (Theo Quyết định số Quyết định số 648/QĐ- BCT ngày 20/3/2019 của Bộ Công Thương Quy định về giá bán điện).

Từ ngày 04/5/2023, giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh tăng khoảng 3%, theo đó giá bán lẻ điện bình quân là 1.920,3732 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) (Quyết định số 377/QĐ-EVN ngày 27/4/2023 của Tập đoàn điện lực Việt Nam).

Với vai trò là cơ quan phối hợp điều hành giá điện, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương trong việc điều hành giá điện theo quy định tại Quyết định số 24/2017/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định về cơ chế điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân (các văn bản sửa đổi, bổ sung nếu có); đảm bảo điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân kịp thời, phù hợp với biến động của các thông số đầu vào; bên cạnh đó có sự điều tiết của nhà nước đảm bảo cân đối lợi ích của người tiêu dùng, nhà nước và doanh nghiệp.

6. Vật tư và sản phẩm nông nghiệp

- **Giá gạo:** Thị trường thế giới, Từ đầu tháng 10/2023 giá chào bán gạo xuất khẩu của Việt Nam có xu hướng tăng do Indonesia cần mua thêm gạo dự trữ trong năm nay trong khi Việt Nam là một trong nguồn cung gạo chính cho thị trường này, tuy nhiên so với tháng 09/2023 giá chào bán gạo xuất khẩu của Việt Nam giảm. Trong khi đó, giá chào bán gạo xuất khẩu của Thái Lan giảm mạnh do tỷ giá hối đoái đồng nội tệ Thái Lan giảm so với đồng USD. Tính chung tháng 10 tháng đầu năm, giá chào bán gạo xuất khẩu của Việt Nam và Thái Lan tăng so với cùng kỳ năm 2022. Hiện tại, giá gạo 5% tấm tại Thái Lan 581-594 USD/tấn, tại Việt Nam là 613-637/tấn, giá gạo 25% tấm tại Thái Lan là 532-545 USD/tấn, tại Việt Nam là 598-622 USD/tấn.

Thị trường trong nước: Tháng 10/2023, giá thóc gạo tại miền Bắc tương đối ổn định. Trong khi đó do giá gạo xuất khẩu có xu hướng tăng nên giá gạo tại miền Nam tăng trong tháng 10/2023.

Trong 10 tháng đầu năm 2023: Tại miền Bắc giá gạo tương đối ổn định trong 07 tháng đầu năm 2023, sang tháng 08/2023 giá thóc gạo tăng do nhu cầu xuất khẩu tăng; thị trường ổn định vào tháng 09,10/2023. Tại miền Nam, 2 tháng

đầu năm giá thóc gạo có xu hướng tăng trước bối cảnh trước bối cảnh nhu cầu nhập khẩu trên thế giới tăng, tháng 3/2023 giá thóc gạo có xu hướng giảm sang tháng 4/2023 và tháng 05/2023 giá thóc gạo có xu hướng tăng do nhu cầu nhập khẩu trên thế giới tăng trở lại và lượng cung giảm. Tháng 6/2023 giá có xu hướng tăng/giảm đan xen tùy từng chủng loại, sang tháng 7/2023-8/2023 giá có xu hướng tăng cao do nhu cầu xuất khẩu tăng mạnh; sang tháng 09/2023 do giá gạo xuất khẩu giảm nên giá gạo tại miền Nam có xu hướng giảm. Tháng 10/2023 giá gạo xuất khẩu có xu hướng tăng trở lại nên giá gạo tại miền Nam có xu hướng tăng. Tính chung 10 tháng đầu năm 2023, giá thóc gạo tại Miền Bắc và miền Nam có xu hướng tăng so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể như sau:

Tháng	Miền Bắc (đồng/kg)		Nam Bộ (đồng/kg)	
	Thóc tẻ thường	Gạo tẻ thường	Thóc tẻ thường	Gạo thành phẩm 5% tấm
Tháng 1/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.050-7.850	10.175-10.400
Tháng 2/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.250-8.250	10.450-10.800
Tháng 3/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.050-7.850	10.050-10.400
Tháng 4/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.150-8.250	10.200-10.500
Tháng 5/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.250-8.250	11.200-11.300
Tháng 6/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.150-8.250	11.100-11.350
Tháng 7/2023	7.500-9.000	11.000-16.000	6.750-8.500	12.200-12.500
Tháng 8/2023	8.000-10.000	12.000-18.000	7.950-9.850	14.400-14.850
Tháng 9/2023	8.000-10.000	12.000-18.000	7.700-9.850	12.200-14.500
Tháng 10/2023	8.000-10.000	12.000-18.000	7.750-9.900	14.200-15.250
10 tháng đầu năm 2023	7.500-10.000	11.000-18.000	6.050-9.850	10.175-14.850
10 tháng đầu năm 2022	7.500-9.000	11.000-16.000	5.425-7.275	8.650-9.550
10 tháng đầu năm 2023 so với 10 tháng đầu năm 2022	Tăng 1.000	Tăng 2.000	Tăng 625-2.575	Tăng 1.525-5.300

- **Giá mặt hàng thực phẩm tươi sống:** Giá thịt lợn hơi tháng 10/2023 giảm so với tháng 9/2023, nguyên nhân chủ yếu do giá lợn hơi tại các nước láng giềng như Trung Quốc, Thái Lan ở mức thấp gây nguy cơ xuất hiện tình trạng tăng lượng nhập khẩu lợn khiến nguồn cung trong nước dồi dào, cùng với ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi. Theo ghi nhận tại một số trang thông tin, giá thịt lợn hơi tháng 10/2023 dao động khoảng 48.000-54.000 đồng/kg, giảm khoảng 4.000 - 6.000 đồng/kg so với tháng 9/2023 (khoảng 52.000-60.000 đồng/kg). Giá các loại thực phẩm tươi sống khác tương đối ổn định do nhu cầu tiêu dùng không có biến động lớn. Giá các loại thực phẩm tươi sống khác tương đối ổn định như sau:

DVT: Đồng/kg

Mặt hàng	Tháng 10/2023	Tháng 9/2023	Chênh lệch
Thịt bò thăn	260.000-275.000	260.000-275.000	Ổn định
Thịt lợn mông sấn	110.000-120.000	110.000-120.000	Ổn định
Thịt gà	100.000-110.000	100.000-110.000	Ổn định
Bắp cải	15.000-17.000	15.000-17.000	Ổn định
Cà chua	18.000-20.000	18.000-20.000	Ổn định
Cá chép	60.000-70.000	60.000-70.000	Ổn định
Cá quả	125.000-135.000	125.000-135.000	Ổn định
Tôm sú	220.000-250.000	220.000-250.000	Ổn định

Giá các loại thực phẩm tươi sống tương đối ổn định. Thời điểm cuối tháng 1, giá một số loại thực phẩm tăng do nhu cầu thị trường phục vụ Tết Nguyên đán tăng tuy nhiên mức tăng không đáng kể do cung đáp ứng đủ nhu cầu thị trường. So với cùng kỳ năm 2022, giá các loại thực phẩm tươi sống cơ bản giảm.

- **Giá đường:** Thị trường thế giới, nhìn chung giá đường thế giới giao các kỳ hạn năm 2023 trong 03 tháng đầu năm 2023 biến động tăng/giảm liên tục theo các dự báo về nguồn cung và thay đổi của giá dầu và có xu hướng tăng dần từ tháng 02/2023 đến nay, đặc biệt tăng cao từ tháng 4 và tăng cao nhất trong lịch sử hơn 10 năm gần đây trong tháng 5 do nguồn cung toàn cầu có thể giảm thấp hơn bởi sản lượng thấp hơn dự kiến nên Ấn Độ đang cân nhắc việc không xuất khẩu thêm đường trong năm nay và những lo ngại về hiện tượng El Nino có thể ảnh hưởng tới sản lượng toàn cầu. Giá đường giảm trở lại trong tháng 6, 7 do sản lượng tăng ở Brazil nên giảm lo ngại nguồn cung khan hiếm. Trong tháng 8, tháng 9, giá đường tăng cao trở lại do lo ngại nguồn cung thấp và vẫn ở mức cao trong tháng 10. So với cùng kỳ 10 tháng năm 2022, giá đường giao các kỳ hạn của 10 tháng năm 2023 ở mức cao hơn.

Thị trường trong nước, do nhu cầu tiêu thụ thấp nên thị trường giá đường trầm lắng không có biến động lớn. Giá đường trong tháng 10 vẫn giữ ở mức cao như trong tháng 9, cụ thể như sau:

Mặt hàng/tháng	DVT: đồng/kg		Chênh lệch (+/-)
	Tháng 9/2023	Tháng 10/2023	
Đường kính trắng	21.200-22.200	21.200-22.200	-
Đường tinh luyện	22.100-23.000	22.100-23.000	-

Sau khi chững lại trong 02 tháng đầu năm, giá đường trong nước từ nửa cuối tháng 3 tăng do đường sản xuất từ mía trong nước tiêu thụ được nhờ sự tăng cường kiểm tra của cơ quan chức năng đối với hoạt động buôn lậu và tăng theo giá đường quốc tế. So với cùng kỳ năm 2022, giá đường trong nước năm 2023 ở mức cao hơn:

- **Giá phân bón:** Giá phân bón Urê thế giới tại hầu hết một số thị trường chính trên thế giới trong tháng 10/2023 tăng so với tháng 9/2023 do có thông tin về việc Trung Quốc ngừng xuất khẩu phân bón Urê kể từ đầu tháng. Trong nước, giá phân bón urê tháng 10/2023 dao động khoảng 12.500-13.500 đồng/kg, tăng

500 đồng/kg so với tháng 09/2023 do có thông tin về việc Trung Quốc ngừng xuất khẩu phân bón Urê và nhu cầu chuẩn bị phân bón cho vụ Đông Xuân sắp tới và cây vụ đông ở miền Bắc tăng.



10 tháng đầu năm 2023: Tiếp đà giảm giá từ Quý IV/2022, giá phân bón 10 tháng đầu năm 2023 có xu hướng giảm, đặc biệt là phân bón urê. Nguyên nhân chủ yếu do cầu yếu, chi phí sản xuất giảm và chính sách mở cửa trở lại của Trung Quốc khiến nguồn cung phân bón toàn cầu tăng, hoạt động logistic trở nên thông suốt, cước vận chuyển giảm mạnh trong khi nhu cầu sử dụng yếu đã làm giá phân bón giảm mạnh.

Thị trường phân bón trong nước tương đối trầm lắng, giá phân bón giảm liên tiếp do nhu cầu thấp, nguồn cung dồi dào. Tại một số thời điểm, ảnh hưởng bởi thị trường phân bón thế giới cũng như nguồn cung trong nước hạn chế làm cho giá phân bón tăng nhẹ. Tuy nhiên, do được bù đắp từ các nguồn cung khác nên nhìn chung giá bán lẻ phân bón đã giảm mạnh và thấp hơn cùng kỳ năm trước. Theo đánh giá, nhu cầu trong nước đối với các loại phân bón về cơ bản không có đột biến so với các năm trước đây (nhu cầu cầu tiêu dùng phân bón của cả nước khoảng 10-12 triệu tấn phân bón các loại), vì vậy giá phân bón trong nước giảm chủ yếu do chi phí sản xuất đầu vào giảm, nguồn cung dồi dào và ảnh hưởng bởi giá phân bón thế giới.

- **Giá muối:** Giá muối trong nước tháng 10/2023 tiếp tục ổn định do nguồn cung ổn định. Cụ thể: muối thủ công từ 1.100-3.500 đồng/kg; muối công nghiệp từ 1.100-2.500 đồng/kg.

Theo Bộ NNPTNT: Diện tích sản xuất muối trong nước đạt 10.748,6 ha (trong đó, diện tích sản xuất muối công nghiệp 3.464,2 ha, muối thủ công 7.284,4 ha). Sản lượng muối ước đạt 847.387,5 tấn, trong đó muối thủ công 602.373,5 tấn, muối công nghiệp 245.014 tấn. Tính chung trong 10 tháng đầu năm 2023, giá muối tương đối ổn định do nguồn cung và nhu cầu tiêu dùng ổn định.

7. Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh

Trong 10 tháng đầu năm 2023, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (KBCB) thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế (BHYT) tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 13/2019/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ngày 5/7/2019 (Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2018/TT-BYT); giá dịch vụ KBCB không thuộc

phạm vi thanh toán của quỹ BHYT tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 5/7/2019 (Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2018/TT-BYT). Trong đó, hiện cơ cấu giá dịch vụ KBCB đã tính chi trực tiếp và tiền lương theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng (chưa tính chi phí quản lý và khấu hao TSCĐ).

Từ 01/7/2023 mức lương cơ sở tăng lên 1.800.000 đồng/tháng và để kịp thời điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo mức lương mới, hiện nay Bộ Y tế đang khẩn trương dự thảo các Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 37/2018/TT-BYT và Thông tư số 39/2018/TT-BYT trong đó điều chỉnh lương cơ sở tính trong giá lên 1.800.000 đồng/tháng để ban hành sớm. Ngoài ra, ngày 29/6/2023 Bộ Y tế ban hành mới Thông tư số 13/2023/TT-BYT quy định khung giá và phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước cung cấp, có hiệu lực từ ngày 15/8/2023.

Bên cạnh đó, Luật khám chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2024 và Bộ Y tế cũng đang rà soát, hoàn thiện các Thông tư quy định về giá dịch vụ khám chữa bệnh hiện hành và nghiên cứu, xây dựng các Thông tư về giá dịch vụ khám chữa bệnh khác được quy định trong Luật khám bệnh chữa bệnh số 15/2023/QH15 để kịp thời ban hành cho phù hợp với quy định và hiệu lực từ 01/01/2024 của Luật mới này.

8. Dịch vụ giáo dục (học phí):

Hiện nay, giá dịch vụ giáo dục đào tạo (học phí) thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021. Theo Thông báo số 300/TB-VPCP ngày 31/7/2023 về Kết luận của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà tại cuộc họp về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc gia và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo theo hướng quy định rõ một số điều khoản về việc chưa triển khai, chưa áp dụng lộ trình cơ chế thu, quản lý học phí quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và không tăng học phí năm học 2023- 2024. Hiện tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 đang được Bộ Giáo dục Đào tạo gửi xin ý kiến các thành viên Chính phủ để báo cáo Chính phủ xem xét, phê duyệt. Tại dự thảo Nghị định có quy định: Trường hợp cá địa phương tăng học phí năm học 2023-2024 thì ngân sách địa phương đảm bảo phần chênh lệch thêm so với số thu học phí năm học 2021-2022.

II. ĐỀ XUẤT CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH GIÁ THÁNG 11 VÀ CÁC THÁNG CUỐI NĂM

Bộ Tài chính tiếp tục chủ động, phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành địa phương triển khai thực hiện quyết liệt các biện pháp về quản lý, điều hành giá, bình ổn giá cả thị trường, nhất là đối với các hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng thiết yếu; thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 27/01/2023 về việc đôn đốc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán Quý Mão 2023 và Thông báo số 118/TB-VPCP ngày 10/4/2023, Thông báo số 348/TB-VPCP ngày 24/8/2023, Thông báo số 419/TB-VPCP ngày 16/10/2023 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ

Lê Minh Khái - Trưởng Ban Chỉ đạo điều hành giá tại cuộc họp Ban Chỉ đạo điều hành giá quý 1, quý 2 và 9 tháng đầu năm 2023. Trong đó tập trung các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến kinh tế và lạm phát thế giới; cập nhật sát tình hình cung cầu giá cả hàng hóa chiến lược trên thị trường quốc tế để kịp thời cảnh báo các nguy cơ và đề xuất các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

- Các Bộ, ngành, địa phương chủ động rà soát các phương án điều chỉnh giá các mặt hàng do nhà nước quản lý, các dịch vụ công đang triển khai lộ trình thị trường, đánh giá kỹ tác động đối với mặt bằng giá, mục tiêu kiểm soát lạm phát để có phương án điều chỉnh giá theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo lộ trình, thời điểm, mức độ phù hợp. Đồng thời, cần có các phương án giảm thiểu những tác động tiêu cực đối với người nghèo và những nhóm đối tượng dễ bị tổn thương trước những tác động từ việc điều chỉnh giá các mặt hàng thiết yếu.

- Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ động thực hiện quản lý nhà nước các mặt hàng theo thẩm quyền và thực hiện đánh giá nhu cầu, khả năng đáp ứng của thị trường, chủ động chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng bảo đảm nguồn cung, bình ổn giá thị trường phục vụ dịp cuối năm và Tết Nguyên đán 2024.

- Đẩy mạnh công tác tổng hợp, phân tích, dự báo, xây dựng trước các kịch bản, phương án ứng phó trong trường hợp các hàng hóa trên thị trường thế giới tiếp tục tăng cao để điều hành sản xuất trong nước, cân đối và điều hành cung cầu, để góp phần giữ ổn định giá cả thị trường, xử lý nghiêm các trường hợp tăng giá bất hợp lý.

- Đối với mặt hàng xăng dầu, Bộ Tài chính sẽ chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương để điều hành giá xăng dầu linh hoạt, bảo đảm giá xăng dầu trong nước phản ánh, bám sát diễn biến giá thành phẩm xăng dầu thế giới, sử dụng hợp lý Quỹ Bình ổn giá xăng dầu với liều lượng thích hợp, góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đời sống của người dân.

- Đối với mặt hàng gạo, trong ngắn và trung hạn, nhiều quốc gia nhập khẩu gạo vẫn cần đẩy mạnh nhập khẩu gạo bổ sung vào kho dự trữ nên giá gạo có xu hướng tăng nhẹ. Các Bộ, ngành, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 610/CD-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2023 về việc tăng cường thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo và Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia và thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu gạo bền vững trong giai đoạn hiện nay.

- Theo dõi, rà soát chặt chẽ việc kê khai giá, thông báo giá một số mặt hàng như: sách giáo khoa, khí hóa lỏng, đường, phân bón, dịch vụ cảng biển, thép, xi măng, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc vắc xin dùng cho gia súc gia cầm... theo quy định của pháp luật.

- Đối với giá một số mặt hàng thuộc danh mục Nhà nước định giá tiếp tục

điều hành thận trọng, phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ. Đánh giá kỹ bối cảnh, tác động, mức độ và liều lượng điều chỉnh để có phương án điều hành phù hợp khi điều kiện cho phép.

- Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, biện pháp bình ổn giá, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần tạo ra sự đồng thuận trong xã hội để hạn chế tối đa các tác động tăng giá do yếu tố tâm lý, kỳ vọng lạm phát.

NgK